

Bản án số: 28/2021/HS-PT

Ngày: 16-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Hoài

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 14/TLPT-HS ngày 22/01/2021 đối với bị cáo Nguyễn Thị S, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 33/2020/HS-ST ngày 11/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị S**; sinh năm 1957 tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn 1, xã Liêng Srônh, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; trình độ học vấn: lớp 7/10; nghề nghiệp: làm nông; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn S (đã chết) và bà Đoàn Thị H (đã chết); chồng Lê Văn N (đã chết) và có 01 người con sinh năm 1983; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/10/2019 đến ngày 07/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Bị bắt tạm giam lần 2 vào ngày 20/10/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Có mặt.

- Bị hại: Ông Phùng Đức P, sinh năm 1973; bà Phan Thị H, sinh năm 1981; nơi cư trú: thôn 1, xã Rô Men, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Phan Diễm Giáng T, sinh năm 1989; nơi cư trú: số 38 Lý Thường Kiệt, tổ dân phố Đoàn Kết, thị trấn L, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 05/6/2012 bị cáo Nguyễn Thị S có nhận chuyển nhượng diện tích 12.300m² đất rẫy cà phê tại thôn 1, xã Liêng Srônh, huyện Đ của vợ chồng ông Hà Xuân Q và bà Nguyễn Thị T cùng trú tại thôn Tân Tiến, xã Tân Văn, huyện L với số tiền 275.000.000đ. Trong đó có 8.900m² tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 60, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 062403 do UBND huyện Đ cấp ngày 12/4/2010 và 3.400m² tại thửa đất số 130, 131 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 062405 do UBND huyện Đ cấp ngày 12/4/2010.

Đến năm 2013, bị cáo S phát hiện diện tích thực tế đang sử dụng chỉ có 10.050m² (thiếu 2.250m²) so với tổng diện tích ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nên làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Đ, yêu cầu ông C phải cắt trả thêm phần diện tích đất còn thiếu. Tại Bản án số 01/2016/DSST ngày 14/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã bác toàn bộ yêu cầu của bị cáo S về việc yêu cầu ông C phải giao trả diện tích 2.250m² và 128.000.000đ khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Không đồng ý với Bản án sơ thẩm, bị cáo S có đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Tại Bản án số 84/2016/DSPT ngày 27/7/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Sau đó bị cáo S tiếp tục gửi đơn đến Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 19/4/2017 Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Giấy xác nhận số 1270 về việc nhận đơn đề xem xét theo thủ tục Giám đốc thẩm theo yêu cầu của bị cáo S. Đến nay đã có kết quả giải quyết.

Ngày 19/5/2017 ông Nghiêm Văn C tiếp tục chuyển nhượng cho ông Phùng Đức P (sinh năm 1973) và vợ là bà Phan Thị H (sinh năm 1981), cùng trú tại thôn 1, xã Rô Men, huyện Đ, diện tích 2.461m², tại thửa số 129, tờ bản đồ số 60, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 515566 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 21/02/2017 và 8.358m² tại thửa đất số 173, tờ bản đồ số 60, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 406443, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 07/3/2017. Diện tích này giáp ranh với diện tích đất bị cáo S chuyển nhượng của ông Hà Xuân Q. Sau

khi nhận chuyển nhượng, gia đình ông P đã canh tác ổn định và thu hoạch cà phê vụ mùa năm 2016-2017.

Trong thời gian này, giữa bị cáo S và gia đình ông P thường xuyên xảy ra cãi vã, bị cáo S còn có hành vi rào đường đi vào nhà rẫy của ông P. Đến ngày 14/01/2018 bị cáo S dùng dao chặt 46 cây cà phê kinh doanh trên diện tích đất thuộc quyền sở hữu của ông P, thì bị chị Phạm Diễm Giáng T là người làm thuê cho ông P phát hiện và dùng điện thoại di động quay lại. Sau đó điện thoại báo cho ông P và Công an xã Liêng Srônh đến giải quyết.

Ngày 05/4/2018 Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, kết quả xác định 46 cây cà phê do bị cáo S hủy hoại là loại cà phê Robusta, loại A đạt 20%, loại B đạt 65%, loại C đạt 15%. Trong đó có 35 cây bị hủy hoại hoàn toàn, 11 cây bị chặt thân, cành. Tổng giá trị thiệt hại theo Bản kết luận định giá tài sản số 18 ngày 09/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ là 3.810.000đ.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 con dao phát, cán bằng tre, dài 68cm, lưỡi dao bằng sắt kích thước 28 x 5cm.

Đến đầu tháng 01/2019 bị cáo Nguyễn Thị S tiếp tục sử dụng 01 con dao dài khoảng 40cm, nặng, sắc chặt, phá toàn bộ 224 cây cà phê trên diện tích khoảng 2.000m² đất của ông P. Quá trình điều tra, bị cáo khai nhận số cây cà phê trên do một mình bị cáo chặt phá trong thời gian khoảng 01 tuần, thời điểm vào buổi sáng sớm và buổi chiều hàng ngày. Sau khi số cây cà phê bị chặt đã khô lá, thì bị cáo đốt rồi thuê người thu dọn với mục đích chuyển đổi cây trồng.

Theo kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 14/01/2019, xác định: Tại thửa đất số 173, tờ bản đồ 60 đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã trồng cà phê đang trong thời kỳ kinh doanh. Tại hiện trường ghi nhận 224 cây cà phê bị chặt phá, hủy hoại, trong đó: 107 cây bị ken sát gốc, chặt ngang thân, hiện trạng lá cây đã khô héo, thiệt hại hoàn toàn; 84 cây bị ken sát gốc, chặt ngang thân, hiện trạng lá cây còn tươi, thiệt hại hoàn toàn; 23 cây bị ken sát gốc, thân cây vẫn còn tán lá và 10 cây bị rong cành, còn thân cây, cành ít lá. Tổng giá trị thiệt hại theo Bản kết luận định giá tài sản số 12 ngày 28/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ là 35.550.450đ.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Phùng Đức P và bà Phan Thị H yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị S phải bồi thường thiệt hại đối với số cây cà phê đã hủy hoại theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 01b/CT-VKS ngày 13/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Đ, để xét xử bị cáo Nguyễn Thị S về tội “Hủy hoại tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại bản án số 33/2020/HSST ngày 11/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị S phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị S 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/10/2020. Được trừ 04 tháng 09 ngày đã tạm giam trước.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Các Điều 584; 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Thị S phải bồi thường cho vợ chồng ông Phùng Đức P và bà Phan Thị H số tiền là 39.360.450đ.

Ngoài ra, bản án còn xử lý vật chứng, tuyên án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 16/12/2029 bị cáo Nguyễn Thị S kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo xin Tòa cho bị cáo được về nhà để bồi thường cho bị hại, nếu không có tiền thì bị cáo sẽ bồi thường bằng đất. Gia đình bị cáo có công với cách mạng, hiện bị cáo đã già yếu, chỉ ở một mình, xin Tòa xem xét cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị S, giảm hình phạt cho bị cáo bằng thời gian tạm giam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Do diện tích thực tế đang sử dụng chỉ có 10.050m² (thiếu 2.250m²) so với tổng diện tích ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 12.300m²

nên ngày 20/8/2013 bị cáo S làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Đ, yêu cầu ông C phải cắt trả thêm phần diện tích đất còn thiếu.

Sau khi có kết quả xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ và kết quả xét xử phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, đến ngày 19/5/2017 ông Nghiêm Văn C tiếp tục chuyển nhượng cho ông Phùng Đức P và vợ là bà Phan Thị H diện tích 2.461m², tại thửa số 129, tờ bản đồ số 60, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 515566 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 21/02/2017 và 8.358m² tại thửa đất số 173, tờ bản đồ số 60, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 406443, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 07/3/2017. Diện tích này giáp ranh với diện tích đất bị cáo S chuyển nhượng của ông Hà Xuân Q. Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình ông P đã canh tác ổn định và thu hoạch cà phê vụ mùa năm 2016-2017.

Ngày 14/01/2018 bị cáo S dùng dao chặt 46 cây cà phê kinh doanh trên diện tích đất thuộc quyền sở hữu của ông P. Đến đầu tháng 01/2019 bị cáo S tiếp tục dùng chặt phá toàn bộ 224 cây cà phê trên diện tích khoảng 2.000m² đất của ông P.

Bản kết luận định giá tài sản số 18 ngày 09/5/2018 và Bản kết luận định giá tài sản số 12 ngày 28/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ tổng giá trị tài sản bị hủy hoại là 39.360.450đ.

Cấp sơ thẩm đánh giá toàn diện chứng cứ, đối chiếu lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị S phạm tội “Hủy hoại tài sản” theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị S: Đơn kháng cáo của bị cáo gửi trong hạn luật định và đúng quy định nên được xem xét.

Tại phiên tòa bị cáo thay đổi kháng cáo, xin được giảm nhẹ hình phạt để được về nhà bồi thường cho bị hại, căn cứ khoản 1 Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xem xét kháng cáo của bị cáo.

Xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trái pháp luật đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây thiệt hại cho bị hại tổng số tiền 39.360.450đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ và bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận hành vi phạm

tội, xin được về nhà để bồi thường cho bị hại; bị cáo là người già, sức khỏe yếu, bị nhiều bệnh như tăng huyết áp, rối loạn tuần hoàn não mạn, rối loạn chức năng tiền đình, viêm xoang mãn tính..., nên cần áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, chấp nhận kháng cáo của bị cáo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng là phù hợp.

[3] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị S, sửa bản án sơ thẩm.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị S phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị S 08 (tám) tháng 29 (hai mươi chín) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20 tháng 10 năm 2020; được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 02 tháng 10 năm 2019 đến ngày 07/02/2020 (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù).

Căn cứ khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Thị S đang bị tạm giam, nếu bị cáo Nguyễn Thị S không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Các Điều 584; 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Thị S phải bồi thường cho vợ chồng ông Phùng Đức P và bà Phan Thị H số tiền là 39.360.450đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành chưa thanh toán hết số tiền trên thì còn phải trả khoản tiền lãi chậm trả theo mức lãi quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Căn cứ Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Bị cáo Nguyễn Thị S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- Phòng KTNV&THA (02);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng PV27- CA tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND huyện Đ (02);
- VKSND huyện Đ(01);
- Cơ quan CSĐT CA Đ (01);
- Cơ quan THAHS CA Đ (01);
- Bị cáo (01);
- Hồ sơ THAHS (04);
- Lưu hồ sơ; Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Bình

